TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2017/KDTM-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Toàn;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quí Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM *tham gia phiên tòa*:

Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 05/2017/TLST-KDTM ngày 23 tháng 01 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2017/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Cơ điện T; địa chỉ trụ sở: 346 X, khu phố 13, phường H, Thành phố B, tỉnh Đ; Người đại diện hợp pháp của Công ty: bà Hà Thị Minh K, sinh năm 1984, là người đại diện theo pháp luật của Công ty - (có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B; địa chỉ trụ sở: 15G1 khu dân cư T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp của Công ty: ông Nguyễn Nam Tiến, sinh năm 1972, là người đại diện theo pháp luật của Công ty - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 22/7/2016, giữa Công ty TNHH Cơ điện T (gọi tắt là Công ty T) và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B (gọi tắt là Công ty B) ký kết Hợp đồng số 02.2016/BPNSG-TLDONA, theo đó Công ty T thực hiện sản xuất và cung cấp hệ thống thang máng cho Công ty B để Công ty B giao cho công trình Tòa nhà V, tổng

giá trị hợp đồng 104.510.786đ (một trăm lẻ bốn triệu năm trăm mười ngàn bảy trăm tám mươi sáu đồng).

Ngày 28/7/2016, Công ty T đã tiến hành bàn giao hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, quy cách cho Công ty B. Công ty B đã ký xác nhận trên Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng số 02.2016/BPNSG.

Tiếp đến trong các ngày 04/8/2016 và 08/8/2016, phía Công ty B đặt mua Bát chữ L có giá 1.270.500đ (một triệu hai trăm bảy mươi ngàn năm trăm đồng) và Bát treo máng có giá 3.168.000đ (ba triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng) và Công ty T đã tiến hành giao Bát chữ L và Bát treo máng theo Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng ngày 06/8/2016 và ngày 11/8/2016 cho Công ty B.

Sau đó, Công ty T đã giao bản chính các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000277 ngày 28/7/2016, số 0000284 ngày 06/8/2016, số 0000285 ngày 12/8/2016 của các đơn hàng trên cho Công ty B.

Theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng số 02.2016/BPNSG-TLDONA ngày 22/7/2016 thì Công ty B phải thanh toán 75% tổng giá trị hợp đồng sau thuế khi nhận được Thông báo giao hàng trước 02 ngày và 25% giá trị còn lại của hợp đồng sau khi giao hàng trong vòng 07 ngày. Nếu thực hiện đúng Hợp đồng thì đến ngày 19/8/2016 Công ty B phải hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền là 108.949.286đ (một trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng) nhưng do Công ty B đang có nhu cầu cần giao hàng để gấp rút hoàn thành công trình tòa nhà V nên đã gọi điện thoại cho Công ty T giao hàng trước và thanh toán sau, vì tin tưởng nên Công ty T đã tiến hành giao hàng khi chưa nhận được khoản tiền nào từ Công ty B. Ngày 09/9/2016, Công ty B ban hành công văn số 001/2016/CV/BPNSG xác nhận: đã đối chiếu và nhận đủ hàng (theo phiếu xuất kho kiêm biên bản giao nhận hàng hóa ngày 28/7/2016); Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000277 ngày 28/7/2016 đã nhận đủ; sẽ thanh toán số tiền 104.510.786đ (một trăm lẻ bốn triệu năm trăm mười ngàn bảy trăm tám mươi sáu đồng) vào ngày 30/9/2016. Tuy nhiên, đến nay Công ty B vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho Công ty T.

Công ty T yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền 108.949.286đ (một trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng); tiền thưởng theo khoản 11.1 Điều 11 của Hợp đồng số 02.2016/BPNSG-TLDONA ngày 22/6/2016 là 2.090.216đ (hai triệu không trăm chín mươi ngàn hai trăm mười sáu đồng); tiền bồi thường do chậm nghĩa vụ thanh toán là 16.342.939đ (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm ba mươi chín đồng; tổng cộng: 112.381.695đ (một trăm mười hai triệu ba trăm tám mươi mốt ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Tuy nhiên tại phiên tòa, Công ty T chỉ yêu cầu Công ty B phải thanh toán số tiền 108.949.286đ (một trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng), thanh toán làm một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Bị đơn là Công ty B đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo hòa giải; Thông báo về phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2017/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2017;Quyết định hoãn phiên tòa số 154/2017/QĐST-HPT ngày 07/9/2017 nhưng Công ty B vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Bắc Phương Nam Sài Gòn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật TTDS năm 2015 (vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án) và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Căn cứ các khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005.

Đề nghị HĐXX tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Nguyên đơn là Công ty TNHH Cơ điện T khởi kiện bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B về việc yêu cầu thanh toán tiền theo Hợp đồng kinh tế số 02.0616/BPNSG-TLDONA ngày 22/7/2016 thì đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" quy định tại khoản 8 Điều 3, Điều 24 Luật thương mại năm 2005

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thì Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0313342146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 09/7/2015, đăng ký thay đổi lần thứ: 1 ngày 29/4/2016 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B có đăng ký địa chỉ trụ sở tại số 15G1 đường S, khu dân cư T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tranh chấp về kinh doanh thương mại, bị đơn có trụ sở tại Quận 7, Tp. HCM. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong hạn luật định, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Tp.HCM.

2. Về hình thức:

Đối với bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ để để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 02.0616/BPNSG-TLĐONA ngày 22/7/2016, Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng ngày số 02.2016/BPNSG 28/7/2016, Phiếu xuất kho kiêm biên bản giao hàng ngày 06/8/2016 và ngày 11/8/2016 và các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000277 ngày 28/7/2016, số 0000285 ngày 12/8/2016, số 0000284 ngày 06/8/2016, đủ căn cứ kết luận nguyên đơn là Công ty T đã tiến hành giao hàng hóa và hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn là Công ty B với tổng số tiền là 108.949.286đ (một trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng).

Căn cứ vào Thông báo số 001/2016/CV/BPNSG ngày 09/9/2016 của bị đơn là Công ty B gửi nguyên đơn là Công ty T và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, mặt khác trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là Công ty B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005 có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 108.949.286đ (một trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 8 Điều 3, khoản 1 Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án có;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

1. Xử vắng mặt: bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Cơ điện T về việc buộc bị đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 108.949.286đ (một trăm lẻ tám triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B chậm thanh toán số tiền trên thì Công ty TNHH Cơ điện T có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển B phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.447.464đ (năm triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH Cơ điện T số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.132.292đ (ba triệu một trăm ba mươi hai ngàn hai trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2012/07453 ngày 23/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Trần Thị Ngọc Phương